

NGHỊ QUYẾT

Về chức danh, số lượng, mức phụ cấp, hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị xã hội ở bản, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XIV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh công an xã; Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật dân quân tự vệ; Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thú y; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 28/02/2017; Báo cáo thẩm tra số 134/BC-BPC ngày 13/3/2017 của Ban Pháp chế của HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Quy định về chức danh, số lượng, mức phụ cấp, hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị xã hội ở bản, tiểu khu, tổ dân phố (gọi chung là bản) trên địa bàn tỉnh:

1. Chức danh, số lượng, hệ số phụ cấp hằng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở bản (Hệ số phụ cấp đã bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế)

1.1. Đối với bản thuộc xã, thị trấn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự; bản thuộc xã, thị trấn loại 1 và loại 2:

T T	Chức danh	Hệ số phụ cấp/mức lương cơ sở/tháng (hệ số phụ cấp đã bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế).							
		Bản trên 150 hộ		Bản từ trên 100-150 hộ		Bản từ 50-100 hộ		Bản dưới 50 hộ	
		Số người	Phụ cấp	Số người	Phụ cấp	Số người	Phụ cấp	Số người	Phụ cấp
1	Bí thư chi bộ	01	0,95	01	0,9	01	0,85	01	0,8
2	Trưởng bản	01	0,95	01	0,9	01	0,85	01	0,8
3	Bản đội trưởng	01	0,59	01	0,56	01	0,53	01	0,5
4	Công an viên	02	0,59	02	0,56	02	0,53	02	0,5

1.2. Đối với các bản thuộc xã, thị trấn còn lại:

T T	Chức danh	Hệ số phụ cấp/mức lương cơ sở/tháng (hệ số phụ cấp đã bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế).							
		Bản trên 150 hộ		Bản từ trên 100-150 hộ		Bản từ 50-100 hộ		Bản dưới 50 hộ	
		Số người	Phụ cấp	Số người	Phụ cấp	Số người	Phụ cấp	Số người	Phụ cấp
1	Bí thư chi bộ	01	0,75	01	0,7	01	0,65	01	0,6
2	Trưởng bản	01	0,75	01	0,7	01	0,65	01	0,6
3	Bản đội trưởng	01	0,545	01	0,53	01	0,515	01	0,5
4	Công an viên	01	0,545	01	0,53	01	0,515	01	0,5

1.3. Đối với bản thuộc phường:

T T	Chức danh	Hệ số phụ cấp/mức lương cơ sở/tháng (hệ số phụ cấp đã bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế).							
		Bản trên 300 hộ		Bản từ trên 200-300 hộ		Bản từ 100-200 hộ		Bản dưới 100 hộ	
		Số người	Phụ cấp	Số người	Phụ cấp	Số người	Phụ cấp	Số người	Phụ cấp
1	Bí thư chi bộ	01	0,8	01	0,75	01	0,7	01	0,65
2	Trưởng bản	01	0,8	01	0,75	01	0,7	01	0,65
3	Bản đội trưởng	01	0,56	01	0,54	01	0,52	01	0,5
4	Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố	01	0,36	01	0,34	01	0,32	01	0,3
5	Tổ viên Tổ bảo vệ dân phố	02	0,26	02	0,24	02	0,22	02	0,2

1.4. Chức danh Nhân viên y tế bản:

T T	Loại bản, tiểu khu, tổ dân phố	Số lượng	Hệ số phụ cấp/mức lương cơ sở/tháng (hệ số phụ cấp đã bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế).
1	Đối với bản thuộc xã, thị trấn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự; bản thuộc xã, thị trấn loại 1 và loại 2	01	0,5
2	Đối với bản thuộc xã, phường, thị trấn còn lại	01	0,3

Việc xác định quy mô số hộ của các bản được rà soát định kỳ hằng năm và tổ chức thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Quy định chức danh và hệ số hỗ trợ đối với các chức danh khác ở bản, tiểu khu, tổ dân phố (*hệ số hỗ trợ không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế*)

T T	Chức danh	Hệ số hỗ trợ	
		Đối với bản thuộc xã, thị trấn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự; bản thuộc xã, thị trấn loại 1 và loại 2	Đối với bản thuộc xã, phường, thị trấn còn lại
1	Phó Bí thư chi bộ	0,3	
2	Phó Trưởng bản	0,2	
3	Chi ủy viên	0,2	
4	Nhân viên thú y bản thuộc xã (<i>không bao gồm bản thuộc phường, thị trấn</i>)	0,15	0,1
5	Chi hội trưởng chi hội người cao tuổi	0,15	0,1

Đối với chức danh Chi hội trưởng chi hội người cao tuổi thực hiện việc chi trả hệ số hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này đến khi có các chính sách liên quan đến các tổ chức hội sau khi Luật về hội được ban hành và có hiệu lực.

3. Khoản kinh phí hoạt động cho Ban công tác mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở bản, tiểu khu, tổ dân phố.

3.1. Đối với bản thuộc xã, thị trấn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự; bản thuộc xã, thị trấn loại 1 và loại 2:

Các tổ chức	Mức khoán kinh phí hoạt động (đồng/tổ chức/năm)				Nội dung chi
	<i>Bản trên 150 hộ</i>	<i>Bản từ trên 100-150 hộ</i>	<i>Bản từ 50-100 hộ</i>	<i>Bản dưới 50 hộ</i>	
Ban Công tác Mặt trận	5.700.000	5.600.000	5.500.000	5.400.000	Chi hỗ trợ chức danh: 78%; chi hỗ trợ kinh phí hoạt động: 22%
Chi Đoàn Thanh niên cộng sản HCM; Chi Hội Cựu chiến binh; Chi Hội Phụ nữ; Chi Hội Nông dân	5.600.000	5.500.000	5.400.000	5.300.000	

3.2. Đối với bản thuộc xã, thị trấn còn lại:

Các tổ chức	Mức khoán kinh phí hoạt động (đồng/tổ chức/năm)				Nội dung chi
	<i>Bản trên 150 hộ</i>	<i>Bản từ trên 100-150 hộ</i>	<i>Bản từ 50-100 hộ</i>	<i>Bản dưới 50 hộ</i>	
Ban Công tác Mặt trận	4.300.000	4.200.000	4.100.000	4.000.000	Chi hỗ trợ chức danh: 75%; Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động: 25%
Chi Đoàn Thanh niên cộng sản HCM; Chi Hội Cựu chiến binh; Chi Hội Phụ nữ; Chi Hội Nông dân	4.200.000	4.100.000	4.000.000	3.900.000	

3.3. Đối với bản thuộc phường:

Các tổ chức	Mức khoán kinh phí hoạt động (đồng/tổ chức/năm)				Nội dung chi
	<i>Bản trên 300 hộ</i>	<i>Bản từ trên 200-300 hộ</i>	<i>Bản từ 100-200 hộ</i>	<i>Bản dưới 100 hộ</i>	
Ban Công tác Mặt trận	4.400.000	4.300.000	4.200.000	4.100.000	Chi hỗ trợ chức danh: 75%; Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động: 25%
Chi Đoàn Thanh niên cộng sản HCM; Chi Hội Cựu chiến binh; Chi Hội Phụ nữ; Chi Hội Nông dân	4.300.000	4.200.000	4.100.000	4.000.000	

4. Bố trí kiêm nhiệm:

4.1. Khuyến khích người hoạt động không chuyên trách cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở bản, tiểu khu, tổ dân phố kiêm nhiệm thêm 01 chức danh hoạt động không chuyên trách ở bản, tiểu khu, tổ dân phố quy định tại khoản 1 Điều này. Nếu kiêm nhiệm thì được hưởng thêm 80% hệ số phụ cấp của chức danh đó.

4.2. Phân công người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở bản, tiểu khu, tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận, Trưởng các tổ chức chính trị xã hội kiêm nhiệm thêm không quá 02 chức danh tại khoản 2 điều này và được hưởng thêm hệ số hỗ trợ của chức danh đó.

Đối với chức danh Nhân viên thú y bản thuộc xã, Chi hội trưởng chi hội người cao tuổi nếu không thể phân công được chức danh hoạt động không chuyên trách khác kiêm nhiệm thì bố trí riêng và hưởng mức hỗ trợ theo quy định.

Nếu những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đã được phân công kiêm nhiệm chức danh hưởng mức hỗ trợ cấp xã hoặc kiêm nhiệm 01 chức danh hoạt động không chuyên trách ở bản; những người hoạt động không chuyên trách ở bản đã kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách khác ở bản thì chỉ được phân công đảm nhiệm thêm 01 chức danh hưởng mức hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách, các chức danh hưởng mức hỗ trợ ở bản, tiểu khu, tổ dân phố nghỉ việc:

5.1. Đối với người hoạt động không chuyên trách phải nghỉ việc do bố trí sắp xếp lại hoặc thực hiện chế độ kiêm nhiệm theo quy định của nghị quyết này thì được hỗ trợ mỗi năm hoạt động không chuyên trách là $\frac{1}{2}$ mức phụ cấp hằng tháng hiện hưởng, nhưng tối đa không quá 03 tháng phụ cấp hiện hưởng.

5.2. Đối với các chức danh hưởng mức hỗ trợ phải nghỉ việc do bố trí sắp xếp lại hoặc thực hiện chế độ kiêm nhiệm theo quy định của nghị quyết này thì được hỗ trợ mỗi năm hoạt động bằng mức hỗ trợ hằng tháng hiện hưởng, nhưng tối đa không quá 03 tháng mức hỗ trợ hiện hưởng.

Việc thực hiện và chi trả hỗ trợ nghỉ việc chỉ thực hiện trong năm 2017.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, tổ đại biểu HĐND tỉnh, các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2017.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 72/2014/NQ-HĐND ngày 03/4/2014 của HĐND tỉnh về số lượng, chức danh, mức phụ cấp và hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách ở bản, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh; bãi bỏ Khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 73/2014/NQ-HĐND ngày 03/4/2014 của HĐND tỉnh về quy định mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; ở bản, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XIV, kỳ họp chuyên đề lần thứ nhất thông qua ngày 15 tháng 3 năm 2017./.

Nơi nhận: *Hg*

- Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; VP Chủ tịch nước; VP Chính phủ;
- UB Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban Chỉ đạo Tây Bắc;
- Ban công tác đại biểu của UBTƯVQH;
- Bộ Nội vụ; Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy;
- TT HĐND; UBND; UBNDTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, Đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, ĐDBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy, HĐND; UBND huyện, thành phố;
- Trung tâm công báo tỉnh; Chi cục VTLT tỉnh;
- HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, PC.

CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Chắt